

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 17 - 3 - 2021  
V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Anh Đức

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Trọng Sơn
2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2020/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn B, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1988; nơi cư trú: thôn Th, xã Qu, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 17 tháng 11 năm 2020, lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại đơn xin xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Ngọc L kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 4 năm 2014, tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh L không chăm lo gia đình,

không quan tâm làm ăn và thường mắng mỏ vợ. Do không sống chung được nữa nên vợ chồng đã ly thân nhau vào tháng 5 năm 2019, từ đó đến nay không còn qua lại quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không, ly thân nhau đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Bảo Ng, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2015. Nếu Tòa án giải quyết cho được ly hôn, chị có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Ngọc L không có mặt để tham gia theo thủ tục tố tụng tại Tòa án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên anh L có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 27 tháng 02 năm 2021, nội dung như sau:

Anh và chị Nguyễn Thị Thu H kết hôn tự nguyện và có đăng ký, thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn như chị H trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống nhưng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Vì không sống chung được nữa nên vợ chồng đã ly thân nhau vào tháng 5 năm 2019, từ đó đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, ly thân nhau đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn theo như nguyện vọng của chị H.

Về con chung, anh thừa nhận vợ chồng có một con chung là Nguyễn Thị Bảo Ng, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2015; nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh thừa nhận vợ chồng không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Thu H có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Ngọc L, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh L đang có hộ khẩu thường trú tại thôn Th, xã Qu, thị xã B, tỉnh Quảng Bình nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều

28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn có thẩm quyền giải quyết.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu H và bị đơn là anh Nguyễn Ngọc L đã có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Ngọc L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 26 tháng 4 năm 2014, tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh L vắng mặt. Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm là yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, anh L cũng đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu H.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh L bắt nguồn từ việc vợ chồng chung sống nhưng không đồng quan điểm, đã sống ly thân gần 02 năm nay, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Chứng tỏ cuộc sống hôn nhân của chị H và anh L không còn hạnh phúc, không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, anh và chị đều có nguyện vọng Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy cần cho ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L.

[3] Về quan hệ con chung:

Quá trình chung sống chị H và anh L có 01 con chung là Nguyễn Thị Bảo Ng, sinh ngày 14 tháng 4 năm 2015. Nguyện vọng của chị H sau ly hôn là được nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; anh L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, hiện tại con chung Nguyễn Thị Bảo Ng còn nhỏ tuổi, đang ở với chị H tại gia đình ông bà ngoại, cháu Ng cần được sự chăm sóc, giúp đỡ từ mẹ; hiện tại chị H cũng có công việc ổn định. Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết cho được nuôi con, mặt khác, anh L thường làm ăn xa, vắng nhà, không

gần gũi để nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị H; căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung Nguyễn Thị Bảo Ng cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về quan hệ tài sản chung:

Quá trình giải quyết vụ án, chị H và anh L trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 22; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 8; Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về “mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”;

1. Xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Ngọc L.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu H; xử cho chị Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2014 ngày 26/4/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về con chung: Xử giao con chung Nguyễn Thị Bảo Ng, sinh ngày 14/4/2015 cho chị Nguyễn Thị Thu H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào chị H có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Ngọc L có quyền qua lại thăm con; chị Nguyễn Thị Thu H và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết anh L có thể xin thay đổi việc nuôi con hoặc góp phần phí tổn nuôi con sau này.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thu H chịu trách nhiệm nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 007045 ngày 23 tháng 11 năm 2020. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- UBND xã Quảng Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(*Đã ký*)

**Phan Anh Đức**